

CHUYÊN MỤC

TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT ĐỊNH TÍNH: LOẠI BỎ SAI LẦM VÀ THỰC HÀNH MÔ TẢ SÂU

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Trong khi các nghiên cứu thực nghiệm nổi lên ngày càng nhiều, các bàn luận xoay quanh vấn đề phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội Việt Nam còn ít ỏi. Để góp thêm vào việc phân tích, thảo luận về các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu cụ thể trong thu thập và phân tích dữ liệu của các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, bài viết giới thiệu những nhận thức sai lầm phổ biến trong phương pháp quan sát định tính, sau đó đưa ra một kỹ thuật cụ thể - kỹ thuật mô tả sâu để giảm thiểu các sai lầm đó.

1. GIỚI THIỆU

Trong nghiên cứu định tính, quan sát được xem là một trong những phương pháp quan trọng bậc nhất. Nó được xem là một quá trình mà nhà nghiên cứu thiết lập và duy trì một mối quan hệ nhiều mặt phù hợp với một nhóm người trong bối cảnh tự nhiên của họ, nhằm mục đích phát triển một cách hiểu khoa học xã hội về nhóm đó (Lofland và cộng sự, 2006, tr. 17).

Nói cách khác, quan sát định tính là

việc nhà nghiên cứu đi vào một môi trường cụ thể, tiếp xúc với một hay một số người là đối tượng nghiên cứu, xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ với họ để cùng trải nghiệm cái họ đang trải qua, nhằm tìm hiểu và lý giải được sâu sắc vấn đề nghiên cứu. Với nghĩa đó, trong bài viết này tôi sẽ sử dụng thuật ngữ quan sát định tính theo nghĩa tương đương với các thuật ngữ như: “quan sát tham gia (participant observation), công việc thực địa (fieldwork), quan sát định tính (qualitative observation), quan sát trực tiếp (direct observation) và nghiên cứu thực địa (field research)” (Patton, 2002, tr. 262) hoặc phương pháp dân

Nguyễn Trung Kiên. Thạc sĩ. Viện Nghiên cứu và Hỗ trợ phát triển (VUSTA); Công ty Tư vấn Quản lý và Chuyển đổi tổ chức (T&C).

tộc học (ethnography) (Silverman, 2011; Spradley, 1980).

2. LOẠI BỎ CÁC NHẬN THỨC SAI LẦM VỀ QUAN SÁT ĐỊNH TÍNH

2.1. Phương pháp quan sát định tính chỉ sử dụng quan sát

Nhiều người cho rằng quan sát định tính chỉ là phương pháp sử dụng mắt để quan sát sự vật/hiện tượng được nghiên cứu. Đây là một nhận thức giản đơn. Bởi vì, trong quan sát định tính, nhà nghiên cứu không chỉ sử dụng mắt để nhìn (cho ta dữ liệu về hình ảnh, hành vi, cử chỉ, điệu bộ con người), mà còn phải sử dụng các giác quan khác, gồm tai để nghe (các âm thanh, các câu nói, cách lên giọng, nhấn giọng, các âm thanh từ sự vật khác...), mũi để ngửi (các mùi vị liên quan đến sự vật/hiện tượng, hay ở trong môi trường được quan sát), miệng để nếm (các thức ăn, đồ uống, thậm chí các vị từ quần áo...) hay tay/cơ thể để sờ, chạm (vào đồ vật, người...). Ngoài năm giác quan thông thường, nhà nghiên cứu còn phải sử dụng giác quan “thứ sáu”, hay là cảm nhận cá nhân. Nhiều thông tin không thể sử dụng mắt hay tai để thu thập thông tin, nhà nghiên cứu phải cảm nhận nó bằng chính quá trình trải nghiệm bản thân. Ví dụ, không khí vui vẻ, náo nhiệt tại một buổi lễ hội, cách nhìn nhau căng thẳng của những người trong cuộc họp... Kỹ năng cảm nhận này được các nhà nghiên cứu gọi là “trực giác” (intuition).

Thứ hai, quan sát định tính không chỉ đơn thuần là sử dụng các giác quan

để quan sát. Người quan sát đồng thời còn phải sử dụng hội thoại để phỏng vấn sâu người tham gia, tìm kiếm các tài liệu có giá trị thông tin, ghi âm, chụp ảnh hay quay phim để tổng hợp dữ liệu. Becker và Geer (1970, tr. 133; Patton, tr. 21-22) xem quan sát tham gia – tức quan sát định tính, là một phương pháp hoàn chỉnh nhất trong thu thập dữ liệu xã hội học. Bởi nó bao gồm trong đó sự quan sát các biểu hiện của tình huống và con người trong tình huống, các dữ liệu từ hội thoại và phỏng vấn với người được nghiên cứu, các tài liệu, văn bản về bối cảnh và về người được nghiên cứu, các dữ liệu nghe nhìn, như băng video, hình ảnh, hoặc các đồ vật tạo tác, như dụng cụ lao động, các sáng tạo nghệ thuật.

2.2. Quan sát là kỹ năng tự nhiên

Nhiều người cho rằng quan sát là một kỹ năng tự nhiên theo nghĩa ai sinh ra cũng có thể quan sát được và quan sát tốt. Để quan sát, họ cho rằng chỉ cần có đầy đủ giác quan (với giả định là chúng hoạt động bình thường). Nếu từ đó mà đi đến kết luận rằng, ai cũng có thể làm một quan sát định tính tốt thì sẽ thật sai lầm. Vì quan sát định tính (với tư cách là một phương pháp thu thập thông tin khoa học) hoàn toàn khác với quan sát trong đời sống hàng ngày. Đó là sự khác biệt giữa một kỹ năng khoa học với một kỹ năng thông thường.

Sự khác biệt cơ bản giữa một quan sát khoa học và một quan sát thường ngày chính là sự *chuẩn bị* và *tập huấn* khoa học. Sự chuẩn bị và tập huấn

trong quan sát định tính cũng giống như việc chuẩn bị các kiến thức võ thuật, tập luyện các kỹ thuật, kỹ xảo để hạ gục đối thủ vậy. Michael Patton (2002, tr. 260) viết: “[k]hảo sát khoa học sử dụng phương pháp quan sát đòi hỏi sự tập huấn có quy tắc và sự chuẩn bị tỉ mỉ”. Việc tập huấn đòi hỏi nhà quan sát phải rèn luyện “các chiều cạnh tâm thần, vật lý, trí tuệ và tâm lý học”. Patton (tr. 261) nhấn mạnh, “[q]uan sát đối với tôi bao hàm năng lượng và sự tập trung to lớn. Tôi phải ‘bật lên’ sự tập trung đó – ‘mở ra’ đôi mắt và đôi tai khoa học của tôi, các giác quan quan sát của tôi”. Điều này có nghĩa, tiến từ trạng thái quan sát thường ngày sang quan sát khoa học, bao gồm một sự chuyển đổi trạng thái về mặt tâm thần, tinh thần và ý chí. Quá trình chuyển đổi đó đòi hỏi chúng ta phải huy động sự tập trung cao độ, rèn luyện sự chú ý vào chi tiết và khả năng thu nhận thông tin của mình. Nếu người ta chỉ sử dụng con mắt quan sát bình thường, không có sự chuẩn bị về kỹ năng khoa học, họ sẽ không tìm thấy câu trả lời cho các nghiên cứu khoa học của mình.

Trong cuốn sách của mình, Patton (2002, tr. 260-261) đã khái quát các nội dung cần tập huấn nhằm tạo ra người quan sát có kỹ năng, đó là: (i) học cách *chú ý*, tìm hiểu để thấy cái cần nhìn thấy, và cái cần nghe; (ii) *thực hành* viết mô tả; (iii) *kỷ luật* trong ghi chép thực địa; (iv) *phân biệt* chi tiết từ các tiểu tiết [tức không quan trọng] để không bị quá tải bởi nhiều lớp thông tin; (v) sử dụng các phương

pháp tỉ mỉ nhằm *kiểm định và kiểm tra chéo* các quan sát; (vi) nắm rõ những ưu điểm và hạn chế trong cách quan sát của bản thân.

Có thể nói, kỹ năng quan sát khoa học không chỉ dừng lại ở khả năng đầy đủ của các giác quan, mà còn là tổng hợp các yếu tố tâm, sinh lý, sức khỏe, trí tuệ, sự kỷ luật, sự chăm chỉ, khả năng chịu đựng khó khăn, khả năng tập trung và sự trung thực. Nói tóm lại, sự chuẩn bị và tập huấn đòi hỏi người ta trước hết phải loại bỏ tư tưởng rằng kỹ năng quan sát là một kỹ năng thiên phú, một kỹ năng tự nhiên, từ đó yêu cầu bản thân mình phải chuẩn bị thật nghiêm túc, kỹ càng trước khi ra thực địa. Muốn trở thành một võ sĩ giỏi hay một người quan sát có kỹ năng, phần lớn tùy thuộc vào tập huấn và chuẩn bị.

2.3. Quan sát của mình là duy nhất đúng

Câu chuyện *Thầy bói xem voi* cho nhà nghiên cứu một bài học về cách quan sát định tính. “Voi” là một hiện tượng, sự kiện, sự vật mà chúng ta cần nghiên cứu. Năm thầy bói xem voi là năm nhà quan sát. Giả định rằng các thầy bị mù cũng giống như mỗi chúng ta khi đứng trước các sự việc, hiện tượng xã hội đều bị che mờ hoặc bị nhiễu loạn bởi các sự kiện xung quanh hoặc bởi thời gian, không gian... Mỗi thầy bói chỉ sờ được vào một hoặc một vài bộ phận khác nhau của con voi, nên mỗi thầy đưa ra nhận định khác nhau về ‘Đó là cái gì?’ – tức bản chất của sự vật/hiện tượng. Dựa trên sự tiếp xúc khác nhau của giác

quan cùng với việc sử dụng trí tưởng tượng và kinh nghiệm riêng của mình, mỗi thầy sẽ đưa ra các phán đoán hoặc kết luận khác nhau về con voi. Do đó, hình ảnh về con voi qua cách nhìn của từng thầy sẽ trở nên khác nhau: thầy sờ chân xem voi giống cột nhà, thầy sờ tai thấy voi như cái quạt...

Trong quan sát định tính, nhà nghiên cứu đóng một vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc thu thập và đúc kết dữ liệu, nhưng vì mỗi người xuất phát từ những vùng kinh nghiệm và lập trường riêng, nên họ thường dễ bị ảnh hưởng bởi các định kiến cá nhân. Patton (2002, tr. 260) cho rằng: Cái người ta “nhìn” rất phụ thuộc vào mối quan tâm, thiên kiến và nền tảng của họ. Văn hóa của chúng ta hình thành nên cách chúng ta nhìn. Quá trình xã hội hóa thời thơ ấu hình thành nên cách chúng ta nhìn về thế giới, và hệ thống giá trị của chúng ta hướng dẫn chúng ta làm thế nào để lý giải cái xuất hiện trước mắt chúng ta.

Đúng vậy, mỗi người đều sử dụng nền tảng văn hóa, xã hội khác nhau, kinh nghiệm khác nhau, để phán đoán

và nhìn nhận cái mà họ quan sát được. Tuy nhiên, cũng như thầy bói mù, mỗi người quan sát bình thường không nhìn được một cách tổng thể sự vật, sự việc và thường cho rằng các quan sát của mình là duy nhất đúng. Hậu quả của việc này là các nhà nghiên cứu sẽ tạo ra các sản phẩm mang định kiến chủ quan. Vì vậy, các nhà nghiên cứu phải luôn tự nhận thức được các định kiến của bản thân mình trước khi tham gia vào quan sát. Việc chủ động xác định rõ các quan điểm đã có của bản thân về đối tượng nghiên cứu trước khi điên dã là một trong những cách để xóa bỏ yếu tố cảm tính trong quan sát định tính. Điều này đòi hỏi nhà nghiên cứu định tính phải dũng cảm và trung thực.

3. PHÂN BIỆT PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT ĐỊNH TÍNH VÀ QUAN SÁT ĐỊNH LƯỢNG

Để nhận thức rõ tầm quan trọng của quan sát định tính, chúng ta cần đặt nó trong mối tương quan với phương pháp quan sát cấu trúc trong nghiên cứu định lượng. Mặc dù đều là phương pháp quan sát nhưng mục

Bảng 1. Hai khác biệt cơ bản trong quan sát định tính và định lượng

Tiêu chí	Quan sát định tính	Quan sát định lượng
Tính cấu trúc	- Mở. - Nội dung quan sát để mở, không được chuẩn bị trước, chỉ dựa vào mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu để quan sát về đối tượng.	- Đóng. - Các tiêu chí quan sát được xác định trước qua việc xây dựng các bảng kiểm (checklist) hoặc hệ thống phạm trù (categories systems). Các tiêu chí được mã hóa để ghi chép.
Sự tham gia	- Nhà nghiên cứu từ tham gia hoàn toàn tới tham gia với tư cách là người quan sát.	- Nhà nghiên cứu không tham gia.

Nguồn: Tổng hợp từ Patton, 2002; Robson, 2002; Schwandt, 2001.

đích và cách sử dụng phương pháp quan sát định tính và quan sát định lượng là khác nhau. Nếu như trong nghiên cứu định lượng, phương pháp quan sát chỉ được sử dụng ở giai đoạn đầu của nghiên cứu nhằm thu thập các dữ liệu bước đầu phục vụ cho việc xây dựng công cụ khảo sát (bảng hỏi), thì trong nghiên cứu định tính, nó là một trong những phương pháp quan trọng và nền tảng nhất để tìm hiểu và khám phá bản chất của sự vật, hiện tượng được nghiên cứu (Silverman, 2001, tr. 43).

Bảng 1 cho thấy rõ hơn sự khác biệt trong phương pháp quan sát định lượng và định tính. Về mặt cấu trúc, quan sát định lượng được xây dựng dựa trên các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu, nhằm kiểm đếm các khía cạnh của hiện tượng nghiên cứu. Ví dụ chúng ta đo đếm số lượt người đi qua mà không dừng đèn đỏ giao thông ở một ngã tư. Các bảng kiểm quan sát được chuẩn bị từ trước khi nhà nghiên cứu xuống thực địa. Trong các bảng kiểm này, các biến số hay các chỉ số quan sát được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng và cẩn thận, người quan sát chỉ được tuân theo các chỉ số đã có để quan sát, chứ không bổ sung các chỉ số mới. Đây là tính *đóng và chặt*. Trong khi đó, quan sát định tính là dạng mở, tức không có sự chuẩn bị các biến số, chỉ số từ trước điều đã. Nhà nghiên cứu chỉ xây dựng một bảng hướng dẫn quan sát, gồm việc định hướng các khía cạnh cần tập trung quan sát dựa trên các mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi

nghiên cứu. Khi tiến hành quan sát, nhà nghiên cứu phải mô tả một cách chi tiết các diễn biến xảy ra với đối tượng và người tham gia nghiên cứu. Các chi tiết được mô tả phần lớn xuất phát từ tình huống quan sát chứ không phải được ấn định từ trước. Điều này mở ra vô số các khả năng về thông tin phát sinh (emergent information) từ quá trình điều đã. Đây là tính *mở và lỏng*.

Ở tiêu chí thứ hai về sự tham gia, nếu người quan sát định lượng chỉ đến địa bàn quan sát một hoặc rất ít lần, trong một khoảng thời gian ngắn và không duy trì tiếp xúc với người tham gia nghiên cứu, thì người quan sát định tính phải dành nhiều thời gian ở địa bàn nghiên cứu, cố xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ với người tham gia nghiên cứu trong một khoảng thời gian đủ lâu, từ đó họ mới thu thập được các thông tin sâu. Sự khác biệt này được cụ thể hóa ở sự khác biệt về vai trò người quan sát trên một chuỗi công việc: một cực là chỉ quan sát, không tham gia vào các tình huống được nghiên cứu, cực còn lại là tham gia sâu vào tình huống nghiên cứu, xác lập quan hệ với đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh đó. Để dễ hiểu, chúng ta có thể ví người quan sát định lượng là con mèo đứng ngoài lồng kính âm thầm quan sát những chú chuột thí nghiệm. Ngược lại, người quan sát định tính phải sống và trải nghiệm cùng với những chú chuột trong lồng kính đó.

4. CÁCH GHI CHÉP VÀ MÔ TẢ QUAN SÁT

Một trong những bản khoăn nhất của giới học thuật và độc giả đối với nghiên cứu định tính là dường như loại phương pháp này dễ mang tính chủ quan và không mang tính đại diện. Vậy làm sao để các dữ liệu và phát hiện từ dữ liệu đó có ý nghĩa và đáng tin cậy? Chúng ta thử phân tích tình huống giả định sau:

Nhà nghiên cứu A sử dụng quan sát định tính để làm một nghiên cứu về việc thay đổi hình thức canh tác nông nghiệp của một xã X. Khi đến địa phương, A được giới thiệu phỏng vấn B về chuyện thay đổi hình thức canh tác của gia đình B. Trong quá trình phỏng vấn trong vòng 2 tiếng, A chỉ ghi đại ý vào sổ mình các thông tin mà B cung cấp theo cách hiểu của mình. Sau khi ở thực địa về, A tổng hợp từ các ghi chú của mình để tóm tắt trường hợp thay đổi hình thức canh tác của gia đình B trong 1-2 trang, nêu bật câu chuyện cốt lõi của nhà B. Ví dụ gia đình thay đổi từ trồng lúa truyền thống sang nuôi trồng thủy sản do đất đai cằn cỗi, thu nhập từ lúa kém. Nuôi trồng thủy sản mang lại thu nhập cao hơn nhiều, khiến đời sống gia đình thay đổi. Dĩ nhiên câu chuyện này có ý nghĩa, làm người đọc hiểu một cách tóm lược tình huống về gia đình B. Tuy vậy, cách thu thập, ghi chép và phân tích của A quá sơ sài. A chỉ ghi tóm lược các thông tin mà B trả lời theo cách hiểu của mình, chứ không ghi lại đầy đủ lời nói của B. Cách ghi chép đơn giản này cộng với việc A chỉ tổng hợp ý hiểu của mình để viết một đoạn tóm tắt về trường

hợp của B đã vô tình làm quy giản dữ liệu định tính, làm cho cuộc nghiên cứu mất đi vô số dữ liệu. Có người cho rằng, điều quan trọng không phải là số trang hay số lượng thông tin ghi chép được từ quan sát hay phỏng vấn, mà là ở việc nhà nghiên cứu hiểu và diễn giải được tình huống của người tham gia nghiên cứu. Lập luận này có vẻ như hợp lý, nhưng lại bao gồm vô số nguy cơ tai hại. Bởi vì không gì đảm bảo rằng nhà nghiên cứu đã hiểu hết các chi tiết trong câu chuyện B cung cấp. Hơn nữa, điều quan trọng là mỗi nhà nghiên cứu đều có các quan điểm khác nhau, nền tảng kiến thức khác nhau, vùng kinh nghiệm khác nhau, do đó luôn tồn tại những nếp nghĩ, định kiến riêng về đối tượng nghiên cứu. Do đó, khi A chỉ ghi chép các ý chính mà B cung cấp, A đã vô tình dùng kinh nghiệm chủ quan hay thậm chí định kiến cá nhân để lựa chọn, chất lọc, cắt ngắn các thông tin theo ý hiểu của mình (lần 1). Sau đó, A lại dùng quan điểm cá nhân để tổng hợp lại thành 1-2 trang, thì thông tin thu thập được lại một lần nữa bị cắt xén, lược bỏ bởi quan điểm cá nhân của A (lần 2). Với cách làm như vậy, dữ liệu định tính bị quy giản về quan điểm cá nhân nhà nghiên cứu và vì vậy chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi định kiến.

Thực tế, công việc của người quan sát định tính không hề đơn giản như A đã làm. Từ việc ghi chép trong quá trình quan sát và phỏng vấn, người quan sát đã phải liên tục ghi chú, ghi nhớ các chi tiết, thậm chí sử dụng các

công cụ hỗ trợ như máy ghi âm, chụp ảnh. Trong quá trình phỏng vấn, A không chỉ phải ghi chép lại lời thoại với B, mà còn phải ghi chép các thông tin như thái độ, cảm xúc, cử chỉ, phản ứng của B. A cũng phải mô tả những thông tin liên quan đến môi trường B đang sống, quan sát nơi gia đình B canh tác, ngôi nhà B đang ở... – những thứ liên quan đến việc canh tác của gia đình B. Sau khi từ thực địa về, A không phải chỉ ghi lại toàn bộ thông tin từ cuộc điện đã (không chỉ trong phỏng vấn với B), mà còn phải gỡ băng phỏng vấn và ghi chú (thường là là loại ghi chép sử dụng theo ký hiệu của người ghi) và đánh máy lại thông tin đầy đủ nhất có thể, đồng thời phải ghi lại các suy nghĩ, cảm nhận, trải nghiệm của bản thân khi trực tiếp đi vào địa bàn nghiên cứu, tiếp xúc với những người dân và với B. Trong quá trình đó, việc liên tục phân tích, diễn giải, suy luận các ý nghĩa gặt hái được từ các dữ liệu được ghi chép cho phép A kết nối các dữ liệu với nhau, kiểm tra chéo các thông tin, phát hiện các lỗi không logic trong dữ liệu. Nếu A phát hiện các khoảng trống tri thức, hay các câu hỏi mà các dữ liệu thu thập đã có không thể trả lời, A buộc phải liên hệ với B hoặc trở lại địa bàn để quan sát và ghi chép thêm. Đây là tính lặp lại của quan sát định tính.

Sau một quá trình lặp đi lặp lại giữa thu thập, phân tích, phát hiện khoảng trống, rồi lại thu thập, phân tích... A xây dựng một bộ dữ liệu gần như đầy đủ, cho phép A thực sự bắt đầu xử lý

và phân tích dữ liệu một cách *hệ thống*. Lúc này, câu chuyện về việc tại sao hộ B thay đổi hình thức canh tác mới bắt đầu được khám phá, minh họa và lý giải một cách sâu sắc bằng việc kết nối các mảnh dữ liệu và ghi chú đã có. Lúc này, những mối liên hệ sâu sắc nằm đằng sau hành động thay đổi hình thức canh tác từ lúa nước sang nuôi trồng thủy sản mới được phơi bày, giải thích. Các yếu tố tham gia vào quá trình này được phát hiện, sắp xếp, liên hệ, và kết nối với nhau như sự tham gia của chính quyền địa phương (việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, việc quy hoạch nuôi trồng thủy sản của xã), sự hỗ trợ của các trung tâm phát triển nông nghiệp, hình thức canh tác của bà con hàng xóm, nhu cầu từ thị trường nông sản và thủy sản, lực lượng lao động của hộ gia đình, truyền thống lao động của gia đình và làng xã, cơ hội tiếp cận vốn, vai trò quyết định của chủ gia đình, của nam giới và nữ giới... Tất cả giúp tạo nên một bức tranh tổng thể rõ nét về việc chuyển đổi hình thức canh tác của gia đình B (ở bài viết này tôi sẽ không đi sâu vào phương pháp phân tích dữ liệu định tính, mà sẽ chỉ tập trung mô tả cách thức để đạt được bộ dữ liệu hoàn chỉnh nhất có thể từ thực địa).

Như vậy, để tạo nên sự thành công của quan sát định tính, người quan sát không chỉ cần được tập huấn và chuẩn bị kỹ càng. Các chi tiết được quan sát tuy phong phú, nhưng nếu người quan sát không biết cách mô tả lại thì các chi tiết đó không thể chuyển

thành dữ liệu sẵn sàng cho phân tích. Một cách mô tả thành công cũng giống như việc hái một quả ngọt trên cành cây cao, hái làm sao để không rụng lá và gãy cành, không để quả rơi hoặc bị dập nát. Bài viết này xin giới thiệu cách mô tả sâu (thick description) trong ghi chép thực địa. Thuật ngữ “mô tả sâu” là từ được dùng đầu tiên bởi Gilbert Ryle vào năm 1971 nhưng sau đó được nhà nhân học Clifford Geertz (1973) và nhà xã hội học Denzin (1989) phát triển lên thành một kỹ thuật quan trọng trong quan sát định tính.

Geertz (1973, tr. 6) xem cái làm nên bản sắc của ngành dân tộc học không phải là các kỹ thuật điền dã, như xây dựng quan hệ, chọn lựa người trả lời, ghi chú văn bản, dựng bảng phả hệ (genealogies), vẽ lược đồ thực địa, viết nhật ký,... mà chính là “mô tả sâu”, với tư cách là “một loại nỗ lực trí tuệ: một nỗ lực đầu tư tỉ mẩn”. Với Geertz, mô tả sâu là cách duy nhất để đạt tới sự hiểu biết rõ ràng về một nền văn hóa.

Mô tả sâu cần được nhấn mạnh chính bởi phải sửa lại một quan niệm sai lầm rằng, mô tả trong quan sát định tính chỉ dừng lại ở việc tổng hợp, kiểm kê các chi tiết. Denzin (1989, tr. 83) cho rằng mô tả sâu vượt ra khỏi ranh giới của những sự kiện đơn lẻ và những dáng vẻ bên ngoài mà *con mắt thường* đang nhìn thấy, để đi sâu vào các chi tiết về bối cảnh, các cảm xúc, mạng lưới liên kết các chủ thể đang hành động với nhau. Lúc đó, các kinh nghiệm hay chuỗi sự kiện mà người

được nghiên cứu đang thực hiện không chỉ xuất hiện với cái vỏ xù xì bên ngoài mà được bóc tách, kết nối và lý giải với các ý nghĩa, động cơ bên trong.

Sự khác biệt giữa mô tả sâu và mô tả nông (thin description) cũng được các nhà khoa học nhấn mạnh. Ví dụ Schwandt (2001, tr. 255) cho rằng cái phân biệt giữa mô tả sâu và mô tả nông chính là mô tả sâu không chỉ dừng lại ở việc tích lũy (amass) một đồng chi tiết riêng lẻ, mà lý giải được mối liên hệ giữa các chi tiết đó thông qua việc cung cấp đầy đủ các mô tả về “tình huống, ý nghĩa ý định, chiến lược, động cơ...” và “chính những cái này làm nên đặc trưng của một sự kiện cụ thể.” Như vậy, cái làm nên một mô tả sâu không nằm ở số lượng các chi tiết, thông tin đơn lẻ, mà nằm ở cách thức mô tả và diễn giải các chi tiết đó trong tổng thể. Đồng quan điểm với Schwandt, Holloway (1997, tr. 154) cho rằng mô tả sâu có nhiệm vụ tìm kiếm các “ý định và động cơ” của chủ thể hành động và đặt nó trong “một bức tranh rõ ràng” về người được nghiên cứu trong bối cảnh họ đang sống và hoạt động. Và điều quan trọng là mô tả sâu phải làm cho người đọc nghiên cứu (readers) có thấu hiểu và cảm nhận được “các cảm xúc, suy nghĩ và nhận thức mà người được nghiên cứu đang trải nghiệm” (tr. 154).

Trong bài viết gần đây, Joseph Ponterotto (2006, tr. 542-543) tổng hợp 5 thành tố cơ bản làm nên một mô tả sâu, hay nói cách khác, những yếu tố làm cho một mô tả trở nên

“sâu”, gồm: hành động và bối cảnh; suy nghĩ, cảm xúc và mối liên hệ; động cơ và ý định; cảm xúc như thật; và sự kết nối với lý giải sâu và ý nghĩa sâu sắc. Thứ nhất, người quan sát phải đặt sự chú ý và mô tả được chủ thể nghiên cứu, các hành động mà họ đang thực hiện trong một bối cảnh cụ thể, bao gồm môi trường và tình huống tương tác cụ thể đang được quan sát. Thứ hai, nhà quan sát phải nhìn sâu vào hành động xã hội để nắm bắt được các sắc thái, biểu hiện cảm xúc, tâm trạng, nhận thức và chuyển biến nhận thức mà các chủ thể nghiên cứu đang trải qua tại tình huống quan sát. Đồng thời, các mối liên hệ giữa các chủ thể hiện diện và tương tác với nhau trong tình huống cũng cần được ghi chú. Thứ ba, bên cạnh các sắc thái cảm xúc và suy nghĩ, điều trọng tâm chính là người quan sát phải chỉ ra được các ý định và động cơ của hành động xã hội. Điều này tương tự như phương pháp thấu hiểu (*verstehen*) mà Max Weber yêu cầu đối với các nhà xã hội học phải thấu hiểu hành động xã hội bằng cách chỉ ra động cơ xã hội của nó. Thứ tư, một trong những điều quan trọng là các mô tả sâu phải làm cho người đọc kết quả nghiên cứu *cảm thấy như thật* (*a sense of verisimilitude*). Cảm thấy như thật là độc giả thông qua việc đọc tác phẩm của người quan sát cũng có thể cảm giác được rằng họ đang trải nghiệm chính cuộc sống của người được nghiên cứu, kinh qua những trạng thái cảm xúc, suy nghĩ, và hành động, thấu hiểu được ý nghĩa đằng

sau của chúng. Cảm nhận này giống như việc chiếu lại một trận bóng đá bằng tivi màn hình rộng, phẳng, với âm thanh sống động và hình ảnh sắc nét có độ phân giải cao vậy. Một mô tả sâu cũng phải làm cho người đọc như đang xem trực tiếp trận bóng đá tại sân vận động. Thứ năm, mô tả sâu phải thúc đẩy lý giải sâu (*thick interpretation*) và cho ra ý nghĩa sâu (*thick meaning*). Điều này cực kỳ quan trọng vì nó định hướng công việc mô tả. Mô tả sâu không phải chỉ để cung cấp những bộ dữ liệu đồ sộ, thiếu gắn kết và vô nghĩa, mô tả sâu phải nhằm giúp cho nhà nghiên cứu lý giải được một cách sâu sắc các biểu hiện bản chất và quy luật nội tại của sự vật, hiện tượng được nghiên cứu. Và do đó, giúp cho nhà nghiên cứu tìm ra các ý nghĩa sâu mà các sự vật, hiện tượng hay người tham gia đó nắm giữ. Các ý nghĩa sâu này giúp cho nhà nghiên cứu đặt và kết nối được vấn đề nghiên cứu của họ trong bối cảnh xã hội rộng lớn hơn, từ đó lý giải được các quy luật vận động và chi phối các hiện tượng bề mặt. Hay nói như Lofland và cộng sự (2006, tr. 9), quan sát định tính phải giúp nhà nghiên cứu đạt được cái hiểu sâu sắc vượt ra ngoài những hiện thực coi-như-đúng (*taken-for-granted*) bởi các nhận thức và quan sát thường ngày.

5. KẾT LUẬN

Khi áp dụng phương pháp quan sát định tính, người ta có thể mắc các sai lầm về nhận thức như quan niệm sai về bản chất của quan sát, xem quan sát như là kỹ năng tự nhiên, có sẵn,

hay sự đề cao kết quả quan sát cá nhân. Những sai lầm này thường khiến cho kết quả nghiên cứu định tính bị định kiến, thiếu tính khách quan khoa học và mang tính quy chụp. Để loại bỏ những sai lầm đó, ngoài việc phải thực hành tập huấn và chuẩn bị

một cách nghiêm túc, nhà nghiên cứu còn phải áp dụng nhiều kỹ thuật thực tế như mô tả sâu, lý giải sâu để nhằm tìm ra các ý nghĩa ẩn tàng bên dưới lớp vỏ bề ngoài của hiện tượng nghiên cứu. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Becker, H. & Geer, B. 1970. *Participant Observation and Interviewing: A Comparison*. In *Qualitative Methodology*, edited by W.J. Filstead. Chicago: Markham.
2. Denzin, N.K. 1978. *The Research act: A Theoretical Introduction to Sociological Methods*. New York: McGraw-Hill.
3. Denzin, N.K. 1989. *Interpretive Biography*. California: Sage Publication.
4. Geertz, C. 1973. *The Interpretation of Cultures. Selected Essays*. USA: Basic Books.
5. Goffman, E. 1959. *The Presentation of Self in Everyday Life*. Garden City, NY: Doubleday Anchor Book.
6. Lofland et al. 2006. *Analazing Social Settings: Aguide to Qualitative Observation and Analysis*. 4th eds. California: Wadsworth.
7. Johnson, J.M. 1975. *Doing Field Research*. New York: Free Press.
8. Holloway, I. 1997. *Basic Concepts for Qualitative Research*. Oxford: Blackwell Science.
9. Patton, M.Q. 2002. *Qualitative Research and Evaluation Methods*. Thousand Oaks, California: Sage Publications.
10. Ponterotto, J.G. 2006. *Brief Note on the Origins, Evolution, and Meaning of the Qualitative Research Concept Thick Description*. The Qualitative Report, Vol 11, No 3.
11. Taylor, S.J. & Bogdan, R. 1984. *Introduction to Qualitative Research Methods: The Search for Meaning*. Canada: John Wiley & Sons.
12. Schwandt, T.A. 2001. *The SAGE Dictionary of Qualitative Inquiry*. Thousand Oaks, California: Sage Publications.
13. Silverman, D. 2011. *Interpreting Qualitative Data*. London: Sage Publications Limited.
14. Spradley, J.P. 1980. *Participant Observation*. New York: Holt, Rinehart and Winston.